



TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
Y TẾ CÔNG CỘNG

HANOI UNIVERSITY OF PUBLIC HEALTH

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO DINH DƯỠNG TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

**(Định hướng nghiên cứu)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1370 /QĐ-ĐHYTCC ngày  
7 tháng 12 năm 2022 )*

Hà nội, tháng 10 năm 2022

## MỤC LỤC

1. Tên chương trình đào tạo: .....	3
2. Trình độ đào tạo: .....	3
3. Tên gọi văn bằng: .....	3
4. Ngành đào tạo: .....	3
5. Mã số ngành đào tạo: .....	3
6. Thời gian đào tạo.....	3
7. Thời gian xây dựng/cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo .....	3
8. Mục tiêu chương trình đào tạo .....	3
9. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: .....	4
11. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.....	7
12. Khối lượng kiến thức toàn khoá.....	7
13. Đối tượng tuyển sinh.....	8
14. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.....	8
15. Phương pháp dạy-học.....	9
16. Đánh giá kết quả học tập.....	9
17. Nội dung chương trình đào tạo .....	9
18. Ma trận liên kết giữa mục tiêu CTĐT (PO) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	23
19. Ma trận liên kết Chuẩn đầu ra CTĐT với các học phần .....	27

## BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**1. Tên chương trình đào tạo:**

- + Tên tiếng Việt: Chương trình đào tạo thạc sĩ Dinh dưỡng – Định hướng nghiên cứu
- + Tên tiếng Anh: Master of Nutrition Research Orientation

**2. Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ

**3. Tên gọi văn bằng:**

- + Tên tiếng Việt: Thạc sĩ Dinh dưỡng- định hướng nghiên cứu
- + Tên tiếng Anh: Master of Nutrition Research Orientation

**4. Ngành đào tạo:** Dinh dưỡng

**5. Mã số ngành đào tạo:**

**6. Thời gian đào tạo:**

- Với hệ chính quy, thời gian học tập chuẩn là 18 tháng, thời gian tối đa là 36 tháng.
- Với hệ VLVH, thời gian học tập chuẩn và tối đa bằng 120% so với thời gian học tập chuẩn của hệ chính quy.

**7. Thời gian xây dựng/cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo:** 2022-2023

**8. Mục tiêu chương trình đào tạo**

**8.1. Mục tiêu chung:** Học viên tốt nghiệp Thạc sĩ dinh dưỡng định hướng nghiên cứu có khả năng tổ chức các nghiên cứu để cung cấp các bằng chứng khoa học trong lĩnh vực dinh dưỡng và thực phẩm; tổ chức lập kế hoạch, triển khai, giám sát các hoạt động chuyên môn về dinh dưỡng tiết chế trong bệnh viện, dinh dưỡng cộng đồng, an toàn thực phẩm; tham gia đào tạo nhân lực dinh dưỡng, góp phần thực hiện chiến lược quốc gia về dinh dưỡng trong thời đại công nghệ 4.0.

**8.2. Mục tiêu cụ thể**

*Mục tiêu kiến thức*

- PO1: Có kiến thức về triết học, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước trong thực hành nghề nghiệp
- PO2: Có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lĩnh vực dinh dưỡng tiết chế, dinh dưỡng cộng đồng và an toàn thực phẩm.

PO3: Có kiến thức nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực dinh dưỡng tiết chế, dinh dưỡng cộng đồng và An toàn thực phẩm

*Mục tiêu kỹ năng*

PO4: Xây dựng kế hoạch, triển khai, giám sát và đánh giá các hoạt động chuyên môn về dinh dưỡng tiết chế trong bệnh viện, dinh dưỡng cộng đồng, an toàn thực phẩm.

PO5: Thiết kế và triển khai nghiên cứu cung cấp các bằng chứng khoa học trong lĩnh vực dinh dưỡng tiết chế, dinh dưỡng cộng đồng và An toàn thực phẩm

*Mục tiêu về mức tự chủ và trách nhiệm:*

PO6: Có phẩm chất, đạo đức của người làm công tác dinh dưỡng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực dinh dưỡng.

PO7: Nâng cao năng lực và học tập suốt đời góp phần phát triển nguồn nhân lực y tế dinh dưỡng liên tục và bền vững.

**9. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:**

Mã	Chuẩn đầu ra	Mức độ
<b>Kiến thức (K)</b>		
<b>PL01</b>	<b>Phân tích các kiến thức về triết học và những kiến thức cốt lõi về dinh dưỡng người, khoa học thực phẩm, dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP.</b>	3/6
PLO1.1	Giải thích các khái niệm và nguyên lý của Triết học Mác Lê Nin và đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước trong thực hành nghề nghiệp	3/6
PLO1.2	Phân tích vai trò, nhu cầu, hấp thu, chuyển hóa các chất dinh dưỡng trong cơ thể người	3/6
PLO1.3	Lý giải nguyên tắc và các bước xây dựng khẩu phần cho các đối tượng theo chu kỳ vòng đời và người bệnh	3/6
PLO1.4	Diễn giải các nguyên tắc dinh dưỡng điều trị một số bệnh nội khoa, nhi khoa, sản khoa và ngoại khoa	3/6
<b>PLO2</b>	<b>Lựa chọn các thiết kế và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp trong lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP</b>	4/6
PLO2.1	Phân tích các thiết kế nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP	4/6

<b>Mã</b>	<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Mức độ</b>
PLO2.2	Giải thích việc lựa chọn các biến số/ chỉ số và các phương pháp thu thập, phân tích số liệu ứng dụng trong lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP	4/6
<b>Kỹ năng (S)</b>		
<b>PLO3</b>	<b>Đánh giá tình trạng dinh dưỡng tại cộng đồng và trong bệnh viện</b>	4/5
PLO3.1	Sử dụng thành thạo các kỹ thuật đánh giá nhân trắc dinh dưỡng tại cộng đồng	4/5
PLO3.2	Thực hiện thành thạo các phương pháp điều tra khẩu phần với các đối tượng khác nhau	4/5
PLO3.3	Sử dụng thành thạo các bộ công cụ sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng người bệnh	4/5
PLO3.4	Thực hiện khám lâm sàng để phát hiện các rối loạn dinh dưỡng	4/5
PLO3.5	Tư vấn, phiên giải kết quả xét nghiệm liên quan đến tình trạng dinh dưỡng	4/5
PLO3.6	Nhận định đúng tình trạng dinh dưỡng của đối tượng trên cộng đồng và người bệnh trong bệnh viện	4/5
<b>PLO4</b>	<b>Thực hiện lập kế hoạch, triển khai, theo dõi giám sát và đánh giá các can thiệp dinh dưỡng tại cộng đồng</b>	4/5
PLO4.1	Xác định vấn đề dinh dưỡng, ATTP ưu tiên tại cộng đồng cần can thiệp	4/5
PLO4.2	Xây dựng kế hoạch để giải quyết vấn đề dinh dưỡng và ATTP ưu tiên tại cộng đồng	4/5
PLO4.3	Triển khai các hoạt động để giải quyết vấn đề dinh dưỡng và ATTP tại cộng đồng	4/5
PLO4.4	Xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động truyền thông giáo dục dinh dưỡng và ATTP tại cộng đồng	4/5
PLO4.5	Thực hiện theo dõi, giám sát đánh giá các can thiệp dinh dưỡng và ATTP tại cộng đồng	4/5
<b>PLO5</b>	<b>Tổ chức các hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện và chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh</b>	4/5
PLO5.1	Xây dựng các hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện theo các qui định của Pháp luật và Ngành y tế	4/5

<b>Mã</b>	<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Mức độ</b>
PLO5.2	Xây dựng qui trình chăm sóc dinh dưỡng cho các đối tượng bệnh lý khác nhau	4/5
PLO5.3	Xây dựng khẩu phần và tổ chức cung cấp suất ăn phù hợp với bệnh lý	4/5
PLO5.4	Tổ chức truyền thông, tư vấn dinh dưỡng cho các đối tượng bệnh lý khác nhau	4/5
PLO5.5	Thực hiện theo dõi và đánh giá dinh dưỡng cho các đối tượng bệnh lý khác nhau	4/5
<b>PLO6</b>	<b>Triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP</b>	4/5
PLO6.1	Lựa chọn thiết kế và phương pháp nghiên cứu phù hợp áp dụng lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP	4/5
PLO6.2	Xây dựng đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh để cung cấp bằng chứng khoa học nhằm giải quyết các vấn đề dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP.	4/5
PLO6.3	Tổ chức thực hiện các nghiên cứu với các thiết kế khác nhau để cung cấp bằng chứng khoa học nhằm giải quyết vấn đề dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP.	4/5
PLO6.4	Phân tích, phiên giải kết quả và viết báo cáo khoa học cung cấp các bằng chứng về dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế, ATTP cho các bên liên quan	4/5
<b>PLO7</b>	<b>Có kỹ năng ngoại ngữ Tiếng Anh (4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam)</b>	4/5
<b>PLO8</b>	<b>Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm...) trong thực hiện công việc</b>	4/5
PLO8.1	Tổ chức và tham gia nhóm làm việc, vận dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong thực hiện nhiệm vụ.	4/5
PLO8.2	Có khả năng thích ứng và làm việc trong môi trường đa văn hóa và tôn giáo	3/5
PLO8.3	Kết hợp được các kỹ năng cá nhân (giao tiếp, ra quyết định...) để thực hiện nhiệm vụ.	4/5
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm (A)</b>		

Mã	Chuẩn đầu ra	Mức độ
<b>PLO9</b>	<b>Chứng tỏ khả năng tự học, liên tục cập nhật kiến thức, kỹ năng phù hợp, thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn đồng nghiệp trong học tập và phát triển chuyên môn liên tục.</b>	4/5
PLO9.1	Học tập liên tục để cập nhật kiến thức, kỹ năng phù hợp và ứng dụng kiến thức, kỹ năng đã học để nâng cao chất lượng công việc.	4/5
PLO9.2	Thể hiện thái độ tích cực với những kiến nghị đề xuất, những đổi mới và những quan điểm trái chiều trong hoạt động chuyên môn.	4/5
PLO9.3	Đóng góp vào việc đào tạo, nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp cho đồng nghiệp.	4/5
<b>PLO10</b>	<b>Tham gia quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn của đơn vị, tổ chức.</b>	4/5
PLO10.1	Tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá được các hoạt động chuyên môn của đơn vị, tổ chức.	4/5
PLO10.2	Đề xuất các kế hoạch, giải pháp cải tiến các hoạt động chuyên môn của đơn vị, tổ chức.	4/5
PLO10.3	Tham gia vào các giải pháp, hoạt động cải tiến hoạt động chuyên môn của đơn vị, tổ chức.	4/5

### 10. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- Lãnh đạo Khoa, chuyên viên chính, chuyên viên tại các Khoa Dinh dưỡng, Khoa ATTP của các Trung tâm Phòng ngừa kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế
- Dinh dưỡng viên chính, dinh dưỡng viên tại các Khoa Dinh dưỡng của các bệnh viện
- Giảng viên chính, giảng viên của các Khoa/BM Dinh dưỡng, Khoa Y, Khoa YTCC của các Trường Đại học, cao đẳng
- Nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên tại các Viện Nghiên cứu, các Tổ chức NGOs, INGOs trong lĩnh vực dinh dưỡng, thực phẩm và sức khỏe
- Lãnh đạo, nhân viên thuộc các công ty sản xuất, kinh doanh thực phẩm, các đơn vị dinh dưỡng, ATTP trong các cơ quan khác.

### 11. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Chương trình đào tạo Thạc sỹ Dinh dưỡng định hướng nghiên cứu có thời lượng 60 tín chỉ và được cấu trúc thành 4 phần chính sau:

Phần 1 - Kiến thức chung: 4 tín chỉ.

Phần 2 - Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (bắt buộc và tự chọn): 32 tín chỉ

Phần 3 – Chuyên đề nghiên cứu: 12 tín chỉ

Phần 4 – Luận văn: 12 tín chỉ

## **12. Đối tượng tuyển sinh và tiêu chuẩn đầu vào**

### 12.1. Về văn bằng:

Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng và ngành phù hợp có bằng loại Khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực dinh dưỡng.

- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng: Cử nhân dinh dưỡng.
- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành phù hợp: Những ngành thuộc khối ngành sức khỏe, trừ ngành Dinh dưỡng) và ngành khác (Cử nhân Hóa thực phẩm, công nghệ thực phẩm, sinh học, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến thực phẩm, kỹ thuật thực phẩm, đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm) phải có chứng chỉ chương trình bổ sung kiến thức chuyên ngành dinh dưỡng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày dự thi tuyển sinh.

Chương trình bổ sung kiến thức chuyên ngành dinh dưỡng gồm:

- Hóa sinh dinh dưỡng: 2 TC
- Sinh lý bệnh và miễn dịch học: 2TC
- Đại cương về dinh dưỡng và ATTP: 2 TC

12.2. Điều kiện về ngoại ngữ: Có năng lực Tiếng Anh từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

12.3. Các điều kiện khác: theo qui định hiện hành

## **13. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

Chương trình đào tạo theo tín chỉ, gồm 60 tín chỉ, trong đó có 56 tín chỉ bắt buộc và 4 tín chỉ tự chọn. Người học có thể chọn các học phần tự chọn theo khả năng và nguyện vọng để trang bị kiến thức cần thiết, phù hợp, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Sau khi hoàn thành đủ số môn học bắt buộc và tự chọn, sinh viên thực hiện 2 chuyên đề nghiên cứu và luận văn tốt nghiệp liên quan đến chủ đề dinh dưỡng hoặc ATTP.

Chương trình được thiết kế gồm các học phần lý thuyết, thực hành tại phòng thực hành, và thực tập tại các bệnh viện tuyến huyện, trạm y tế xã, bệnh viện của Trường và các bệnh viện, cơ sở y tế phù hợp với mục tiêu và nội dung đào tạo.

+ Lý thuyết: học tại giảng đường tại trường Đại học Y tế công cộng

+ Triển khai chuyên đề nghiên cứu và luận văn tốt nghiệp tại các bệnh viện, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế, Trạm Y tế, cộng đồng,...

Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên đủ điều kiện xét công nhận tốt nghiệp khi đáp ứng các yêu cầu sau:



a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo;

c) Đạt chứng chỉ ngoại ngữ B2 tại một cơ sở có thẩm quyền cấp theo danh mục của Bộ Giáo dục và Đào tạo

d) Điểm bảo vệ luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

#### 14. Phương pháp dạy-học

- Thuyết trình
- Dạy-học kết hợp ( Blended learning)
- Học tập dựa trên tình huống/vấn đề (cá nhân/nhóm)
- Thực hành/đóng vai trên lớp
- Kiến tập/thực tập tại bệnh viện, cơ sở thực tập

#### 15. Đánh giá kết quả học tập:

Phương pháp đánh giá: Các hình thức đánh giá có thể bao gồm:

- Kiểm tra/thi tự luận, trắc nghiệm
- Tiểu luận/bài tập cá nhân, bài tập nhóm
- Báo cáo thực hành
- Bảo vệ luận văn tốt nghiệp

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định quản lý đào tạo đại của Trường Đại học Y tế công cộng.

#### 16. Nội dung chương trình đào tạo

##### 16.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

STT	Khối lượng học tập	Tổng (TC)	LT	TH
1	Kiến thức chung	4	4	0
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, trong đó:			
	- Kiến thức bắt buộc	28	26	2
	- Kiến thức bổ trợ (tự chọn)	4	4	0
3	Chuyên đề nghiên cứu	12	0	12
4	Luận văn tốt nghiệp	12	0	12
	<b>Tổng (1+2+3+4)</b>	<b>60</b>	<b>34</b>	<b>26</b>

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

##### 17.2. Khối lượng các môn học

###### 17.2.1. Khối kiến chung:

Mã học	Tên môn học	Tổng (TC)	LT	TH
--------	-------------	-----------	----	----

<b>phần</b>				
800100104	Triết học	4	4	0
	<b>Tổng</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

### 17.2.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

#### Kiến thức bắt buộc:

<b>Mã học phần</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Tổng (TC)</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>
800400102	Thống kê y tế	2	2	0
800101002	PPNC định lượng	2	2	0
800100902	PPNC định tính	2	2	0
800400302	Sinh lý dinh dưỡng	2	2	0
800400403	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	3	3	0
800400703	Phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng trên cộng đồng và trong BV	3	2.5	0.5
800400502	Dinh dưỡng và chu kỳ vòng đời	2	2	0
800400603	Khoa học hành vi và văn hóa dinh dưỡng	3	3	0
800400905	Dinh dưỡng lâm sàng	5	4	1
800401002	Phân tích nguy cơ ATTP	2	2	0
800402602	Quản lý can thiệp dinh dưỡng tại cộng đồng	2	1.5	0.5
	<b>Tổng</b>	<b>28</b>	<b>26</b>	<b>2</b>

#### Khối kiến thức bổ trợ (tự chọn)

<b>Mã học phần</b>	<b>Tên môn học</b>	<b>Tổng</b>	<b>LT</b>	<b>TH</b>
800401102	Kinh tế dinh dưỡng và Thực phẩm	2	2	0
800401202	Dinh dưỡng thể thao	2	2	0
800401302	Dinh dưỡng, hoạt động thể lực và sức khỏe	2	2	0
800401402	Dinh dưỡng toàn cầu	2	2	0
800401502	Quản lý dịch vụ ăn uống	2	2	0
800401602	Dinh dưỡng học đường	2	2	0
800401702	Phân tích số liệu	2	2	0
800401802	Truyền thông giáo dục dinh dưỡng	2	2	0
800401902	Trình bày và truy cập thông tin	2	2	0

800402003	Chính sách y tế: ứng dụng trong lĩnh vực dinh dưỡng	3	3	0
800403002	Thực phẩm chức năng	2	2	0
800402102	Truyền thông chính sách dinh dưỡng	2	2	0
	<b>Tổng (mỗi HV chọn tối thiểu 4 TC)</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>

### 17.2.3. Chuyên đề nghiên cứu

Mã học phần	Tên môn học	Tổng	LT	TH
800402206	Chuyên đề tổng quan tài liệu	6	0	6
800402306	Chuyên đề nhận xét sản phẩm khoa học	6	0	6
	<b>Tổng</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>12</b>

### 17.2.4. Luận văn tốt nghiệp:

Mã học phần	Tên môn học	Tổng	LT	TH
800402412	Luận văn tốt nghiệp (triển khai 1 nghiên cứu về dinh dưỡng- có thể dùng số liệu sơ cấp hoặc thứ cấp)	12	0	12
	<b>Tổng</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>12</b>

*Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành*

### 17.3. Kế hoạch đào tạo theo năm

Năm	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
I	Triết học	4	0	Thống kê y tế	2	
	Sinh lý dinh dưỡng	2	0	PPNC định lượng	2	0
	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	3	0	PPNC định tính	2	0
	Phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng trên cộng đồng và trong BV	2.5	0.5	Dinh dưỡng lâm sàng	5	0
	Dinh dưỡng và chu kỳ vòng đời	2	0	Quản lý can thiệp dinh dưỡng tại cộng đồng	1.5	0.5
	Khoa học hành vi và văn hóa dinh dưỡng	3	0	Môn tự chọn	4	0

Năm	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
	Phân tích nguy cơ ATTP	2	0			
	<b>Cộng:</b>	<b>19</b>		<b>Cộng:</b>	<b>17</b>	
Năm	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
II	Chuyên đề tổng quan tài liệu	0	6	Luận văn tốt nghiệp (tiếp)	0	12
	Chuyên đề nhận xét sản phẩm khoa học	0	6			
	<b>Cộng:</b>		<b>12</b>	<b>Cộng:</b>		<b>12</b>

Ghi chú: TC: tín chỉ, LT: lý thuyết, TH: thực hành

#### 17.4. Mô tả các học phần

STT /mã số HP	Học phần	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH / Tự học)	Ghi chú
<b>1. Kiến thức chung</b>				
800 100 104	Triết học	Học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo Thạc sỹ, Chuyên khoa cấp I các ngành khoa học xã hội và nhân văn, giới thiệu tổng quan về triết học và lịch sử triết học; bao quát các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; các nội dung lý luận triết học về xã hội và con người	4/0	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				
<b>2.1. Kiến thức bắt buộc</b>				
800 400 102	Thống kê y tế	Học phần bắt buộc này cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về thống kê trong y tế. Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành đã được quốc tế công nhận, giúp cho	2/0	

STT /mã số HP	Học phần	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH / Tự học)	Ghi chú
		học viên viên hiểu và vận dụng được vào việc phân tích số liệu các nghiên cứu về Y tế công cộng nói chung và dinh dưỡng nói riêng		
800 101 002	PPNC định lượng	<p>Học phần bắt buộc giới thiệu với học viên các bước xây dựng một đề cương nghiên cứu định lượng. Từ những kiến thức và kỹ năng các học viên học được từ các môn học trước tại trường như dịch tễ, thống kê, quản lý y, nâng cao sức khỏe, các môn chuyên ngành dinh dưỡng v.v.. học viên sẽ xác định vấn đề dinh dưỡng, an toàn thực phẩm ưu tiên nghiên cứu, trong bệnh viện hoặc trong cộng đồng, quy mô của vấn đề, và những yếu tố quyết định đến vấn đề này.</p> <p>Học phần sẽ cung cấp cho học viên phương pháp để thiết kế các nghiên cứu định lượng, cũng như xác định những hạn chế của các nghiên cứu. Đầu ra của học phần là một đề cương nghiên cứu định lượng hoàn chỉnh cho một chủ đề nhất định của nhóm học viên.</p>	2/0	
800 100 902	PPNC định tính	<p>Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành dinh dưỡng (track nghiên cứu). Sau khi học xong, người học áp dụng được kiến thức đã học để xây dựng thiết kế nghiên cứu định tính cho một chủ đề sức khỏe; sử dụng được các kỹ thuật phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm trọng tâm, và quan sát để thu thập dữ liệu định tính. Người học cũng có thể mô tả được qui trình phân tích dữ liệu và báo cáo</p>	2/0	

STT /mã số HP	Học phần	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH / Tự học)	Ghi chú
		nghiên cứu định tính		
800 400 302	Sinh lý dinh dưỡng	Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về sinh lý dinh dưỡng tế bào; về vai trò, nhu cầu, hấp thu, chuyển hóa, vận chuyển các chất dinh dưỡng trong cơ thể người; về rối loạn chuyển hóa, vận chuyển, hấp thu các chất dinh dưỡng trong cơ thể người trong một số bệnh lý thường gặp.	2/0	
800 400 403	Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm	Học phần bắt buộc thuộc khối kiến chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ dinh dưỡng định hướng nghiên cứu. Khoa học dinh dưỡng nghiên cứu sự tác động, mối quan hệ của các chất dinh dưỡng trong thực phẩm với sức khỏe và bệnh tật. Nó phối hợp giữa kiến thức dinh dưỡng với khoa học của sinh lý và sinh hóa và là nền tảng để hình thành các nghiên cứu dinh dưỡng sâu hơn. Môn học này cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về vai trò, chuyển hoá hấp thu, nhu cầu các chất dinh dưỡng các chất sinh năng lượng và không sinh năng lượng, giá trị dinh dưỡng và đặc điểm của các loại thực phẩm thông dụng. Đồng thời củng cố kỹ năng xây dựng và đánh giá khẩu phần cho các đối tượng khác nhau.	3/0	
800 400 703	Phương pháp đánh giá tình	Là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp các kiến thức và kỹ năng chuyên sâu để học viên có thể đánh giá	2.5/0.5	

STT /mã số HP	Học phần	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH / Tự học)	Ghi chú
	trạng dinh dưỡng trên cộng đồng và trong BV	tình trạng dinh dưỡng tại cộng đồng bằng phương pháp nhân trắc học, điều tra tiêu thụ lương thực thực phẩm và đánh giá tình trạng dinh dưỡng của người bệnh trong bệnh viện bằng các phương pháp khác nhau. Đồng thời, học viên có khả năng xây dựng triển khai kế hoạch can thiệp cải thiện tình trạng dinh dưỡng tại cộng đồng và cho người bệnh		
800 400 502	Dinh dưỡng và chu kỳ vòng đời	Dinh dưỡng và chu kỳ vòng đời là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Học viên sẽ có kiến thức về sự phát triển của cơ thể, các yếu tố ảnh hưởng đến tình trạng dinh dưỡng của từng giai đoạn trong chu kỳ vòng đời, từ đó xây dựng các khuyến nghị và can thiệp dinh dưỡng phù hợp nhằm phòng ngừa bệnh tật và nâng cao chất lượng cuộc sống cho các giai đoạn khác nhau của chu kỳ vòng đời	2/0	
800 400 603	Khoa học hành vi và văn hóa dinh dưỡng	Khoa học hành vi và Văn hóa dinh dưỡng là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành dinh dưỡng trong chương trình đào tạo Thạc sĩ dinh dưỡng định hướng nghiên cứu. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về hành vi dinh dưỡng, các yếu tố quyết định hành vi dinh dưỡng của cá nhân, bao gồm cả yếu tố văn hóa dinh dưỡng của cộng đồng, chiến lược can thiệp cải thiện hành vi dinh dưỡng, giúp người học nhận thức đúng tầm quan trọng của việc cải thiện hành vi dinh	3/0	

STT /mã số HP	Học phần	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH / Tự học)	Ghi chú
		dưỡng từ đó có định hướng nghiên cứu về hành vi dinh dưỡng hoặc can thiệp nâng cao sức khỏe dinh dưỡng cho các nhóm đối tượng đích.		
800 400 905	Dinh dưỡng lâm sàng	Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức về vai trò của dinh dưỡng trong phòng và điều trị một số bệnh lý hay gặp trong bệnh viện; kỹ năng tổ chức, điều hành hoạt động khoa dinh dưỡng trong bệnh viện, xây dựng quy trình chăm sóc dinh dưỡng người bệnh	4/1	
800 401 003	Phân tích nguy cơ ATTP	Phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm là học phần bắt buộc thuộc chương trình đào tạo Thạc sĩ dinh dưỡng định hướng nghiên cứu. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về tổng quan các mối nguy an toàn thực phẩm, khung phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm. Học viên cũng được giới thiệu nội dung các cấu phần đánh giá nguy cơ, quản lý nguy cơ và truyền thông nguy cơ.	2/0	
800 400 802	Quản lý can thiệp dinh dưỡng tại cộng đồng	Học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ dinh dưỡng định hướng nghiên cứu. Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về can thiệp dinh dưỡng tại cộng đồng và các chương trình can thiệp dinh dưỡng, thực phẩm hiện nay. Đồng thời cũng cung cấp kỹ năng lập kế hoạch can thiệp, theo dõi đánh giá một vấn đề	1.5/0.5	



<b>STT /mã số HP</b>	<b>Học phần</b>	<b>Mô tả học phần</b>	<b>Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH / Tự học)</b>	<b>Ghi chú</b>
		đinh dưỡng cho một cộng đồng.		
<b>2.2. Khối kiến thức bổ trợ (tự chọn) (HV chọn tối thiểu 4TC)</b>				
<b>800 401 102</b>	Kinh tế dinh dưỡng và Thực phẩm	Đây là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức bổ trợ trong CTĐT Thạc sĩ dinh dưỡng. Đây là một khái niệm mới trong những năm gần đây, là một lĩnh vực giao thoa giữa kinh tế học, kinh tế y tế, và dinh dưỡng – thực phẩm, nhằm đánh giá tác động của thực phẩm và dinh dưỡng đến sức khỏe, nâng cao sức khỏe, tìm hiểu về hành vi của các thành phần kinh tế (người tiêu dùng, người sản xuất và các bên liên quan) xung quanh vấn đề thực phẩm và dinh dưỡng.	2/0	
<b>800 401 202</b>	Dinh dưỡng thể thao	Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình thạc sĩ dinh dưỡng định hướng nghiên cứu. Học phần cung cấp những hiểu biết về dinh dưỡng thể thao, nhấn mạnh vào nhu cầu năng lượng, các chất dinh dưỡng và ảnh hưởng của chế độ ăn đối tới hiệu suất và thành tích thể thao của vận động viên. Các yêu cầu đặc biệt về chế độ ăn đối với các môn thể thao thành tích cao. Đồng thời cũng phân tích những ảnh hưởng và tác dụng của các thực phẩm bổ sung cũng như chất kích thích đối với tình trạng dinh dưỡng của vận động viên.	2/0	
<b>800 401 302</b>	Dinh dưỡng, hoạt động thể lực và	Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ dinh dưỡng định hướng nghiên cứu. Học phần cung	2/0	

STT /mã số HP	Học phần	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH / Tự học)	Ghi chú
	sức khỏe	cấp các kiến thức liên quan tới phân tích ảnh hưởng của hoạt động thể chất tới sức khỏe. Năng lực đánh giá được hoạt động thể lực và phân tích ảnh hưởng của dinh dưỡng và hoạt động thể lực đối với sức khỏe. Thiết kế các hoạt động thể lực phù hợp với từng đối tượng khác nhau.		
800 401 402	Dinh dưỡng toàn cầu	Dinh dưỡng toàn cầu là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Môn học này được thiết kế để mô tả các vấn đề dinh dưỡng trên toàn cầu, tập trung vào các quốc gia có thu nhập thấp, như các vấn đề thiếu dinh dưỡng, dinh dưỡng trong bệnh truyền nhiễm và các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng. Đồng thời môn học cũng cung cấp quan điểm, và sáng kiến toàn cầu về kiểm soát và phòng ngừa các vấn đề dinh dưỡng cộng đồng.	2/0	
800 401 502	Quản lý dịch vụ ăn uống	Quản lý dịch vụ ăn uống là học phần tự chọn thuộc chương trình đào tạo Thạc sĩ dinh dưỡng định hướng nghiên cứu. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về hệ thống quản lý dịch vụ ăn uống, các nguyên tắc cơ bản và một số công cụ, phương pháp được áp dụng trong quản lý dịch vụ ăn uống	2/0	
800 401 602	Dinh dưỡng học đường	Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ dinh dưỡng định hướng nghiên cứu. Học phần giới thiệu về sức khỏe học đường, vai trò và tầm	2/0	

STT /mã số HP	Học phần	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH / Tự học)	Ghi chú
		quan trọng của dinh dưỡng học đường. Đồng thời cung cấp kiến thức về đặc điểm tâm sinh lý, nhu cầu dinh dưỡng và một số vấn đề dinh dưỡng hay gặp ở lứa tuổi học đường. Một số can thiệp về dinh dưỡng học đường đang được áp dụng hiện nay.		
800 401 702	Phân tích số liệu	Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo thạc sĩ dinh dưỡng định hướng nghiên cứu. Phân tích số liệu là phần hai của cấu phần Thống kê y tế trong chương trình học của Thạc sĩ Dinh dưỡng. Học phần này nhằm cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng sử dụng Epi Data để nhập liệu và phân tích số liệu bằng SPSS. Học viên cũng được học và thực hành cách phiên giải các kết quả phân tích	2/0	
800 401 802	Truyền thông giáo dục dinh dưỡng	Truyền thông giáo dục dinh dưỡng là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho thạc sĩ dinh dưỡng. Môn học TTGD DD cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình truyền thông, các cách tiếp cận và phương pháp truyền thông nhằm cung cấp thông tin, tác động thay đổi thái độ và hành vi. Ý tưởng, thông điệp truyền thông; cách thiết kế và thử nghiệm thông điệp và tài liệu truyền thông sẽ được trình bày, thảo luận và thực hành trong khóa học.	2/0	
800 401	Trình bày và truy cập	Học phần gồm 2 câu phần chính, đó là tìm kiếm thông tin và kỹ năng trình bày thông tin.	2/0	

STT /mã số HP	Học phần	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH / Tự học)	Ghi chú
902	thông tin	Học phần giúp cho người học có thể chuẩn bị và trình bày hiệu quả tổng quan các vấn đề sức khỏe nói chung và dinh dưỡng nói riêng, quản lý tài liệu tham một cách hệ thống và dễ sử dụng, trình bày và báo cáo các đề án và nghiên cứu một cách khoa học và rõ ràng		
800 402 003	Chính sách y tế: ứng dụng trong lĩnh vực dinh dưỡng	Học phần <i>Chính sách y tế: ứng dụng trong lĩnh vực dinh dưỡng</i> là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo Thạc sĩ dinh dưỡng định hướng nghiên cứu. Môn học này cung cấp cho học viên các khái niệm tổng quan, toàn diện về quá trình chính sách, và các yếu tố ảnh hưởng, các bên liên quan trong quá trình chính sách nói chung và chính sách y tế. dinh dưỡng nói riêng. Ngoài ra, môn học còn cung cấp những kỹ năng cơ bản, cần thiết để giúp học viên có thể tham gia tích cực, hợp lý và hiệu quả vào quá trình xây dựng, thực hiện và đánh giá các chính sách y tế và dinh dưỡng	3/0	
800 402 103	Truyền thông chính sách dinh dưỡng	Học phần Truyền thông chính sách dinh dưỡng là học phần tự chọn trong chương trình thạc sĩ dinh dưỡng định hướng nghiên cứu. Thông tin và những bằng chứng khoa học trở thành yếu tố đầu vào quan trọng cho việc hoạch định và thực thi chính sách. Tuy nhiên, Các nhà khoa học đã chỉ ra rằng, có sự tồn tại rất lớn khoảng trống giữa chính sách và nghiên cứu nói chung và trong lĩnh vực dinh dưỡng nói riêng. Để giúp người học tham gia vào việc cung cấp các	2/0	

STT /mã số HP	Học phần	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH / Tự học)	Ghi chú
		bằng chứng cho quá trình chính sách một cách hiệu quả, môn học này được thiết kế nhằm cung cấp những kiến thức, kỹ năng, và trải nghiệm cho người học để có thể góp phần cung cấp những bằng chứng khoa học, giá trị cho các bên liên quan và các nhà hoạch định chính sách y tế nói chung và trong lĩnh vực dinh dưỡng nói riêng.		
800 403 002	Thực phẩm chức năng	Thực phẩm chức năng là <b>học phần</b> tự chọn, thuộc khối kiến thức bổ trợ trong chương trình đào tạo. <b>Học phần</b> cung cấp cho <b>người học</b> các kiến thức về thực phẩm chức năng bao gồm: định nghĩa, phân loại và tác dụng và vai trò của một số loại thực phẩm chức năng.	2/0	
<b>3. Chuyên đề nghiên cứu</b>				
800 402 205	Chuyên đề tổng quan tài liệu	Đây là học phần bắt buộc nằm trong nhóm chuyên đề nghiên cứu của chương trình đào tạo Thạc sỹ Dinh dưỡng định hướng nghiên cứu. Học phần này giúp cho học viên rèn luyện kỹ năng thực hiện tổng quan tài liệu từ đó làm tiền đề để thiết kế và thực hiện các nghiên cứu trong lĩnh vực dinh dưỡng, an toàn thực phẩm	0/6	
800 402 305	Chuyên đề - nhận xét sản phẩm khoa học	Học phần Nhận xét sản phẩm khoa học (Chuyên đề nghiên cứu 2) là bắt buộc đối với học viên ThS dinh dưỡng định hướng nghiên cứu. Học viên sẽ áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã học trong các học phần trước vào việc thực hiện nhận xét một sản phẩm khoa học về lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế hoặc an toàn thực phẩm.	0/6	

STT /mã số HP	Học phần	Mô tả học phần	Khối lượng kiến thức (tín chỉ) (LT/TH / Tự học)	Ghi chú			
<b>4. Luận văn tốt nghiệp</b>							
800 402 412	Luận văn tốt nghiệp (triển khai 1 nghiên cứu về dinh dưỡng- có thể dùng số liệu sơ cấp hoặc thứ cấp)	Học phần tốt nghiệp là bắt buộc đối với học viên Thạc sĩ định hướng nghiên cứu. Học viên sẽ áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã học trong các học phần trước để xây dựng đề cương, triển khai nghiên cứu và viết báo cáo nghiên cứu về lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế hoặc an toàn thực phẩm.	0/12				
<i>Ghi</i>	<i>chú:</i>	<i>LT:</i>	<i>lý</i>	<i>thuyết,</i>	<i>TH:</i>	<i>thực</i>	<i>hành</i>

### 18. Ma trận liên kết giữa mục tiêu CTĐT (PO) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)

Mục tiêu Chuẩn đầu ra		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
<b>PLO1</b>	<b>Phân tích các kiến thức về triết học và những kiến thức cốt lõi về dinh dưỡng người, khoa học thực phẩm, dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP.</b>							
PLO1.1	Giải thích các khái niệm và nguyên lý của Triết học Mác Lê Nin và đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước trong thực hành nghề nghiệp	X						
PLO1.2	Phân tích vai trò, nhu cầu, hấp thu, chuyển hóa các chất dinh dưỡng trong cơ thể người		X		X			
PLO1.3	Lý giải nguyên tắc và các bước xây dựng khẩu phần cho các đối tượng theo chu kỳ vòng đời và người bệnh		X		X			
PLO1.4	Diễn giải các nguyên tắc dinh dưỡng điều trị một số bệnh nội khoa, nhi khoa, sản khoa và ngoại khoa				X			
<b>PLO2</b>	<b>Lựa chọn các thiết kế và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp trong lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP</b>							
PLO2.1	Phân tích các thiết kế nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP			X		X		
PLO2.2	Giải thích việc lựa chọn các biến số/ chỉ số và các phương pháp thu thập, phân tích số liệu ứng dụng trong lĩnh vực dinh			X		X		

<b>Mục tiêu Chuẩn đầu ra</b>		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
	dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP							
<b>Kỹ năng (S)</b>								
<b>PLO3</b>	<b>Đánh giá tình trạng dinh dưỡng tại cộng đồng và trong bệnh viện</b>							
PLO3.1	Sử dụng thành thạo các kỹ thuật đánh giá nhân trắc dinh dưỡng tại cộng đồng		X	X	X	X	X	X
PLO3.2	Thực hiện thành thạo các phương pháp điều tra khẩu phần với các đối tượng khác nhau		X	X	X	X	X	X
PLO3.3	Sử dụng thành thạo các bộ công cụ sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng người bệnh		X	X	X	X	X	X
PLO3.4	Thực hiện khám lâm sàng để phát hiện các rối loạn dinh dưỡng		X	X	X	X	X	X
PLO3.5	Tư vấn, phiên giải kết quả xét nghiệm liên quan đến tình trạng dinh dưỡng		X	X	X	X	X	X
PLO3.6	Nhận định đúng tình trạng dinh dưỡng của đối tượng trên cộng đồng và người bệnh trong bệnh viện		X	X	X	X	X	X
<b>PLO4</b>	<b>Thực hiện lập kế hoạch, triển khai, theo dõi giám sát và đánh giá các can thiệp dinh dưỡng tại cộng đồng</b>							
PLO4.1	Xác định vấn đề dinh dưỡng, ATTP ưu tiên tại cộng đồng cần can thiệp		X		X	X	X	X
PLO4.2	Xây dựng kế hoạch để giải quyết vấn đề dinh dưỡng và ATTP ưu tiên tại cộng đồng		X		X	X	X	X
PLO4.3	Triển khai các hoạt động để giải quyết vấn đề dinh dưỡng và ATTP tại cộng đồng		X		X	X	X	X
PLO4.4	Xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt		X		X	X	X	X



<b>Mục tiêu Chuẩn đầu ra</b>		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
	động truyền thông giáo dục dinh dưỡng và ATTP tại cộng đồng							
PLO4.5	Thực hiện theo dõi, giám sát đánh giá các can thiệp dinh dưỡng và ATTP tại cộng đồng		X		X	X	X	X
<b>PLO5</b>	<b>Tổ chức các hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện và chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh</b>							
PLO5.1	X ây dựng các hoạt động dinh dưỡng trong bệnh viện theo các qui định của Pháp luật và Ngành y tế		X		X	X	X	X
PLO5.2	Xây dựng qui trình chăm sóc dinh dưỡng cho các đối tượng bệnh lý khác nhau		X		X	X	X	X
PLO5.3	Xây dựng khẩu phần và tổ chức cung cấp suất ăn phù hợp với bệnh lý		X		X	X	X	X
PLO5.4	Tổ chức truyền thông, tư vấn dinh dưỡng cho các đối tượng bệnh lý khác nhau		X		X	X	X	X
PLO5.5	Thực hiện theo dõi và đánh giá dinh dưỡng cho các đối tượng bệnh lý khác nhau		X		X	X	X	X
<b>PLO6</b>	<b>Triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP</b>							
PLO6.1	Lựa chọn thiết kế và phương pháp nghiên cứu phù hợp áp dụng lĩnh vực dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP			X		X	X	X
PLO6.2	Xây dựng đề cương nghiên cứu hoàn chỉnh để cung cấp bằng chứng khoa học nhằm giải quyết các vấn đề dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP.			X		X	X	X

<b>Mục tiêu Chuẩn đầu ra</b>		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
PLO6.3	Tổ chức thực hiện các nghiên cứu với các thiết kế khác nhau để cung cấp bằng chứng khoa học nhằm giải quyết vấn đề dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và ATTP.			X		X	X	X
PLO6.4	Phân tích, phiên giải kết quả và viết báo cáo khoa học cung cấp các bằng chứng về dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế, ATTP cho các bên liên quan			X		X	X	X
<b>PLO7</b>	<b>Có kỹ năng ngoại ngữ Tiếng Anh (4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam)</b>				X	X	X	X
<b>PLO8</b>	<b>Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, ra quyết định, làm việc nhóm...) trong thực hiện công việc</b>							
PLO8.1	Tổ chức và tham gia nhóm làm việc, vận dụng các kỹ năng làm việc nhóm trong thực hiện nhiệm vụ.						X	X
PLO8.2	Có khả năng thích ứng và làm việc trong môi trường đa văn hóa và tôn giáo						X	X
PLO8.3	Kết hợp được các kỹ năng cá nhân (giao tiếp, ra quyết định...) để thực hiện nhiệm vụ.						X	X
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm (A)</b>							X	X
<b>PLO9</b>	<b>Chứng tỏ khả năng tự học, liên tục cập nhật kiến thức, kỹ năng phù hợp, thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn đồng nghiệp trong học tập và phát triển chuyên môn liên tục.</b>							
PLO9.1	Học tập liên tục để cập nhật kiến thức, kỹ năng phù hợp và ứng dụng kiến thức, kỹ						X	X

<b>Mục tiêu Chuẩn đầu ra</b>		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
	năng đã học để nâng cao chất lượng công việc.							
PLO9.2	Thể hiện thái độ tích cực với những kiến nghị đề xuất, những đổi mới và những quan điểm trái chiều trong hoạt động chuyên môn.						X	X
PLO9.3	Đóng góp vào việc đào tạo, nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp cho đồng nghiệp.						X	X
<b>PLO10</b>	<b>Tham gia quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn của đơn vị, tổ chức.</b>							
PLO10.1	Tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá được các hoạt động chuyên môn của đơn vị, tổ chức.				X	X	X	X
PLO10.2	Đề xuất các kế hoạch, giải pháp cải tiến các hoạt động chuyên môn của đơn vị, tổ chức.				X	X	X	X
PLO10.3	Tham gia vào các giải pháp, hoạt động cải tiến hoạt động chuyên môn của đơn vị, tổ chức.				X	X	X	X

### 19. Ma trận liên kết Chuẩn đầu ra CTĐT với các học phần